

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 70 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV	Số:.....	2.110.2
ĐẾN	Ngày	26.4.14
	Chuyên:	

Tổng kết thực tiễn quản lý nhà nước về công tác dân tộc thời kỳ đổi mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện nội dung Công văn số 1332/UBDT-VDT ngày 30/12/2013 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tổng kết thực tiễn quản lý nhà nước về công tác dân tộc thời kỳ đổi mới, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tổng kết thực tiễn tại địa phương như sau:

I. LÝ LUẬN VỀ DÂN TỘC, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng cộng sản Việt Nam về dân tộc và công tác dân tộc

a) Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin: Dân tộc là một trong những bộ phận quan trọng trong hệ thống các quan điểm; dân tộc là vấn đề rộng lớn, bao gồm những quan hệ về chính trị, kinh tế, lãnh thổ, pháp lý, tư tưởng và văn hóa giữa các dân tộc, các nhóm dân tộc và bộ tộc; dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử.

Mác và Ăngghen nêu lên quan điểm cơ bản có tính chất phương pháp luận để nhận thức và giải quyết vấn đề nguồn gốc, bản chất của dân tộc, những quan hệ cơ bản của dân tộc, thái độ của giai cấp công nhân và Đảng về vấn đề dân tộc. Lê nin đã phát triển quan điểm này thành hệ thống lý luận toàn diện và sâu sắc về dân tộc, làm cơ sở cho cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng cộng sản về vấn đề dân tộc. Theo Lê nin có hai xu hướng phát triển của vấn đề dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản:

- Sự thức tỉnh ý thức dân tộc, phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc sẽ dẫn đến hình thành các quốc gia dân tộc độc lập.

- Với việc tăng cường và phát triển các mối quan hệ giữa các dân tộc sẽ dẫn tới việc phá hủy hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thiết lập sự thống nhất quốc tế của chủ nghĩa tư bản, của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội,...

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với vấn đề dân tộc là xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn với việc giải quyết các vấn đề dân tộc trong những mục tiêu cụ thể:

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc.

- Giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và phát triển kinh tế thị trường với vấn đề đoàn kết dân tộc.

- Giải quyết mối quan hệ giữa giữ vững độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ và hợp tác quốc tế, phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc và tranh thủ sức mạnh thời đại mới.

- Xây dựng, củng cố, tăng cường và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

c) Quán triệt những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, ngay từ đầu, Đảng ta đã đề ra những nguyên tắc và định hướng chiến lược về công tác dân tộc ở Việt Nam, đó là đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc. Có thể khẳng định chính sách dân tộc của Đảng ta luôn được quán triệt và triển khai thực hiện nhất quán trong mọi thời kỳ. Tuy nhiên, trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, chính sách dân tộc của Đảng luôn được bổ sung, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của đất nước.

Từ Đại hội IV đến Đại hội X của Đảng, công tác dân tộc đã được Đảng ta đề ra trên các vấn đề cốt lõi là: Vị trí của vấn đề dân tộc trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng; các nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc; những vấn đề trọng yếu của chính sách dân tộc trong những điều kiện cụ thể. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ bảy khóa IX đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác dân tộc. Đây là Nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng ta về vấn đề này trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết chỉ rõ: Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xem vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc, với nội dung cơ bản: “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển”.

2. Đánh giá về lý luận quản lý nhà nước về công tác dân tộc trước năm 1986.

Tại Đại hội lần thứ I của Đảng (tháng 3/1935), Đảng ta đã thông qua Nghị quyết về công tác dân tộc thiểu số, trong đó ghi rõ “Lực lượng tranh đấu của các dân tộc thiểu số là một lực lượng rất lớn, là một bộ phận quan trọng trong cuộc cách mạng phản đế và diệt địa ở Đông Dương, bộ phận của cách mạng thế giới”. Nghị quyết cũng đề ra cho Trung ương và các Xứ ủy (trong những tỉnh có dân tộc thiểu số) phải cử ra một số người chuyên môn nghiên cứu và chỉ đạo công tác vận động các dân tộc thiểu số. Như vậy, ngay từ Đại hội đầu tiên, Đảng ta đã quan tâm đến vấn đề dân tộc và công tác dân tộc.

Đại hội lần thứ II của Đảng (năm 1951) tiếp tục nêu rõ: “Các dân tộc sống trên đất Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau để kháng chiến và kiến quốc; chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, bài trừ mọi hành động gây thù, chia rẽ giữa các dân tộc; giúp đỡ các dân tộc thiểu số tiến bộ về mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”.

Về quyền bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam được các Đại hội Đảng lần thứ III, IV, V kế thừa và phát triển.

3. Đánh giá về lý luận quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay

Tại Đại hội Đảng lần thứ VI, đã bước đầu hình thành những nhận thức mới, quan trọng về chính sách dân tộc và giải quyết các mối quan hệ giữa các dân tộc, phát triển từng dân tộc đi liền với củng cố và phát triển cộng đồng dân tộc trên đất nước ta. Các nguyên tắc đảm bảo cho quan hệ giữa các dân tộc phát triển tốt đẹp được nhấn mạnh là “Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, kết hợp phát triển kinh tế với phát triển xã hội, đẩy mạnh sản xuất với chăm lo đời sống con người, kể cả con người từ nơi khác đến và dân tại chỗ”.

Tư tưởng đổi mới đó còn được thể hiện sâu sắc, cụ thể hóa tại “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ VII. Cương lĩnh nêu rõ: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”.

Những quan điểm, tư tưởng của Đảng về dân tộc và chính sách dân tộc trong Cương lĩnh tiếp tục được triển khai ở Đại hội VIII, IX; đồng thời được cụ thể hóa thành những chủ trương, chính sách, dự án và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta.

Từ thực tiễn và kinh nghiệm 20 năm đổi mới, tại Đại hội lần thứ X của Đảng đã bổ sung và hoàn chỉnh mục tiêu đổi mới ở nước ta, trong đó khẳng định “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”. Quan điểm các dân tộc “tôn trọng” lẫn nhau, thể hiện một bước phát triển trong nhận thức của Đảng về vấn đề này. Tôn trọng là sự trân trọng lẫn nhau, tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Đây cũng là giá trị làm rõ hơn nữa quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện trong các Văn kiện trước đó.

Tiếp nối quan điểm của các kỳ Đại hội trước, Đại hội Đảng lần thứ XI khẳng định “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ”.

a) Đánh giá về phương thức quản lý nhà nước

Công tác dân tộc và thực hiện công tác dân tộc được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị. Do đó, trong những năm qua, phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc không dùng một phương pháp đơn lẻ, mà trong từng lĩnh vực, từng vùng lãnh thổ và vùng dân tộc khác nhau mà có những phương pháp quản lý phù hợp.

Phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc đã xác định được phương châm hoạt động, cách thức, biện pháp để triển khai, chuyển tải các nội dung công tác dân tộc, đưa các chính sách dân tộc đi vào thực tiễn đối với đồng bào các dân tộc thiểu số một cách phù hợp với trình độ phát triển của các dân tộc, với các điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường cụ thể, thực sự đã đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào các dân tộc.

Tuy nhiên, trong quá trình quản lý nhà nước về công tác dân tộc có lúc có nơi chưa coi trọng, chưa xác định đúng với vị trí, vai trò, tầm vóc của nó dẫn đến việc xác định phương châm công tác dân tộc đôi lúc còn những hạn chế nhất định, chưa kịp với xu thế phát triển của đất nước. Ở các cấp, các ngành đôi lúc nhận thức về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa sâu sắc, chưa toàn diện.

b) Đánh giá về nội dung quản lý nhà nước

Trong giai đoạn hiện nay, nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc đã được các cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện, đã xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ vùng dân tộc và miền núi, đẩy mạnh được công tác xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao mức sống của đồng bào các dân tộc thiểu số; làm thay đổi rõ rệt bộ mặt kinh tế - xã hội, bảo tồn các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường, cũng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững quốc phòng, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc và miền núi.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển, các chương trình, chính sách dân tộc chưa sát thực với tình hình thực tế của từng vùng, miền, từng địa phương. Trách nhiệm của các ngành, các cấp trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc chưa được xác định rõ ràng và chú trọng.

c) Đánh giá về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương

Cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc đã được hoàn thiện và hoạt động có hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở và đóng vai trò quan trọng trong việc tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc; làm cơ quan đầu mối cho việc triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tuy nhiên, biên chế của bộ máy làm công tác dân tộc chưa được thống nhất đồng bộ; số lượng cán bộ, công chức, viên chức của Ban Dân tộc cấp tỉnh, Phòng Dân tộc cấp huyện quá ít so với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

d) Đánh giá về đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương đã được củng cố, tăng cường. Cán bộ làm công tác dân tộc

có tinh thần trách nhiệm với chức năng, nhiệm vụ của mình; có phẩm chất, đạo đức cách mạng và tâm huyết với ngành.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc có trình độ không đồng đều, chưa được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực công tác dân tộc. Một số nơi bố trí cán bộ làm công tác dân tộc chưa đáp ứng được yêu cầu công tác trong giai đoạn hiện nay.

II. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC CỦA ĐỊA PHƯƠNG TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

1. Khái quát đặc điểm và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

Tỉnh Quảng Ngãi có 83 xã, thị trấn thuộc khu vực miền núi và vùng cao (trong tổng số 184 xã, phường, thị trấn của toàn tỉnh), trong đó có 67 xã thuộc 06 huyện vùng cao và 16 xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng.

Toàn bộ 06 huyện vùng cao của tỉnh là khu vực sinh sống tập trung chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số, là địa bàn đang triển khai Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ. Theo phân định thôn ĐBKK và xã thuộc khu vực III giai đoạn 2011-2015, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh có 54 xã khu vực III, 21 xã khu vực II và 08 xã khu vực I với tổng số thôn ĐBKK là 297 thôn.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, các nguồn lực đầu tư cho khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được tăng cường hơn, nhờ đó tình hình kinh tế - xã hội của khu vực miền núi Quảng Ngãi ngày càng có nhiều thay đổi, phát triển.

Đến cuối năm 2013, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn miền núi đạt 3.750,725 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 17,86 triệu đồng/người/năm, sản lượng lương thực bình quân đầu người là 332,99 kg/người. Dự kiến đến năm 2015 giá trị sản xuất trên địa bàn miền núi đạt 4.995,735 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 23,36 triệu đồng/người/năm; sản lượng lương thực bình quân đầu người là 341,67 kg/người.

Về tỷ lệ hộ nghèo, đến cuối năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo miền núi là 41,57% (giảm 6,62% so với năm 2012 và giảm 13,55% so với năm 2011) và hộ cận nghèo là 14,49% (giảm 0,49 so với năm 2011). Mục tiêu đến cuối năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo miền núi là 25,87%.

Tuy nhiên, đặc điểm địa hình vùng miền núi ở Quảng Ngãi khá phức tạp, bị chia cắt mạnh bởi nhiều sông suối, núi cao, độ dốc lớn, mùa mưa thường xảy ra lũ lụt, gây sạt lở lớn; mùa nắng thường bị khô hạn kéo dài; diện tích canh tác ít, điều kiện canh tác phụ thuộc nhiều vào tự nhiên và tập quán sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số, diện tích đất sản xuất nông nghiệp không tập trung và sản xuất nông nghiệp manh mún, còn mang tính chất tự cung tự cấp.

Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống rải rác ở những thôn, xóm ở vùng sâu, vùng xa; trình độ dân trí còn thấp; mạng lưới dịch vụ nhiều nơi còn hạn chế, các sản phẩm nông nghiệp phần lớn chưa được tiêu thụ đúng với giá trị thực tế, nên hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp thấp. Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông đã được quan tâm đầu tư nhưng tỉ lệ được cứng hoá, nhựa hoá còn ít, chủ yếu vẫn là đường đất.

2. Thực trạng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trước những năm đổi mới

Trước những năm đổi mới, trong điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước còn nhiều khó khăn, công tác dân tộc trong thời kỳ này chủ yếu là tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, giác ngộ đồng bào dân tộc chung sức xây dựng ổn định định canh, định cư, từng bước ổn định sản xuất phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh; xây dựng và bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa. Hệ thống tổ chức cơ quan nhà nước làm công tác dân tộc được hình thành và đi vào hoạt động ổn định và luôn được tăng cường, củng cố. Nhìn chung, trong thời kỳ này công tác dân tộc đã được Đảng, Nhà nước quan tâm và coi trọng. Đồng bào dân tộc thiểu số, đoàn kết, tương trợ, một lòng theo Đảng và Bác Hồ trong hai cuộc kháng chiến và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong thời kỳ này chưa được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả, các chương trình, chính sách dân tộc chưa được xây dựng và triển khai thực hiện. Đời sống của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được quan tâm đúng mức và còn rất nhiều khó khăn. Công tác dân tộc ở các cấp, các ngành chưa được quan tâm đúng mức và đồng bộ.

3. Những thành tựu và hạn chế trong quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay trên địa bàn tỉnh

a) Những thành tựu đạt được

- Những năm vừa qua, nhất là những năm trong thời kỳ đổi mới, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn trong tất cả lĩnh vực đời sống xã hội. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc đã được thực hiện đầy đủ, trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội. Đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố.

- Kinh tế vùng dân tộc và miền núi có bước phát triển đáng kể, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm cao (trung bình 8% năm). Nền kinh tế nhiều thành phần bước đầu hình thành và phát triển, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá. Đã hình thành nhiều vùng chuyên canh cây trồng, sản xuất với số lượng hàng hoá lớn như cây mía, cây mì, cây keo...

- Kết cấu hạ tầng vùng dân tộc và miền núi đã được cải thiện rõ rệt, góp phần đắc lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc vùng dân tộc và miền núi.

- Công tác xoá đói giảm nghèo đạt được kết quả to lớn. Hàng năm tỷ lệ đói nghèo ở vùng dân tộc và miền núi giảm từ 5-7%. Đời sống của đồng bào các dân tộc được cải thiện đáng kể.

- Mật bẳng dân trí được nâng cao. Một số vùng dân tộc và miền núi đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được hình thành đến các huyện vùng dân tộc và miền núi, tạo nguồn đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

- Đời sống văn hoá của các đồng bào các dân tộc được nâng cao một bước, văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số được tôn trọng, bảo tồn và phát huy. Hệ thống phát thanh truyền hình ở vùng dân tộc và miền núi không ngừng phát triển.

- Các loại dịch bệnh cơ bản được ngăn chặn. Việc khám chữa bệnh cho người nghèo vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn ngày càng được quan tâm. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách ưu tiên chăm lo sức khoẻ đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu.

- Hệ thống chính trị vùng dân tộc và miền núi được tăng cường và củng cố, nhất là ở cấp cơ sở. Công tác phát triển Đảng trong vùng đồng bào dân tộc được chú trọng. Tình hình chính trị, trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi cơ bản ổn định. Quốc phòng, an ninh được giữ vững.

b) Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được, thì tình hình phát triển kinh tế-xã hội ở miền núi và các vùng đồng bào dân tộc cũng còn những hạn chế, đó là:

- Kinh tế - xã hội chậm phát triển, nhiều địa phương còn khó khăn, lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tập quán canh tác ở nhiều nơi còn hạn chế.

- Chất lượng sản phẩm hàng hoá sản xuất ở vùng dân tộc và miền núi tiêu thụ khó khăn, thị trường không ổn định.

- Kết cấu hạ tầng vùng dân tộc và miền núi, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa nhìn chung chưa đáp ứng được nhu cầu. Một số nơi, đồng bào thiểu số sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu tư liệu sản xuất.

- Nhiều nơi môi trường sinh thái đang tiếp tục bị suy thoái. Tình trạng phá rừng, khai thác tài nguyên vẫn đang tiếp diễn.

- Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dân tộc và miền núi còn cao hơn với mức bình quân chung của cả tỉnh. Khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc ngày càng gia tăng.

- Chất lượng, hiệu quả về giáo dục và đào tạo còn thấp. Đào tạo nghề cho con em đồng bào dân tộc thiểu số chưa được quan tâm, chú trọng.

- Công tác chăm sóc sức khoẻ cho đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

- Bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đang có nguy cơ bị mai một. Mức hưởng thụ văn hoá của đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn rất thấp. Một số tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan có xu hướng phát triển.

- Hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi dân tộc và miền núi còn yếu, năng lực quản lý điều hành còn hạn chế, chưa sát dân, công tác phát triển Đảng chậm.

- Ở một số nơi vùng dân tộc và miền núi bị kẻ xấu lợi dụng công tác phát triển tôn giáo để gây chia rẽ khói đại đoàn kết dân tộc.

c) Nguyên nhân hạn chế trong công tác dân tộc

* *Nguyên nhân khách quan:*

- Địa bàn vùng dân tộc và miền núi rộng lớn, địa hình hiểm trở, chia cắt, thường xuyên bị thiên tai, lũ lụt.

- Do tồn tại lịch sử để lại, kinh tế-xã hội ở vùng dân tộc và miền núi có điểm xuất phát thấp, mang nặng tính tự cấp, tự túc. Phương thức sản xuất, tập quán canh tác còn lạc hậu.

- Cơ chế, chính sách và chức năng, nhiệm vụ của các Bộ ngành Trung ương trong vấn đề quản lý Nhà nước về công tác dân tộc còn chồng chéo.

* *Nguyên nhân chủ quan:*

- Nhận thức, quán triệt về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc và công tác dân vận chưa sâu sắc, thiếu toàn diện.

- Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách dân tộc ở vùng dân tộc và miền núi có nơi còn hạn chế, yếu kém. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý vùng dân tộc và miền núi thiểu số số lượng, yếu về năng lực.

III. BÀI HỌC VÀ KINH NGHIỆM TỪ THỰC TIỄN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc thành hệ thống chính sách phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội từng vùng, miền và phát huy lợi thế của vùng, miền trên tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Chú trọng công tác tuyên truyền cho đồng bào dân tộc thiểu số biết và hiểu đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vận động, tạo điều kiện cho đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp ủy, chính quyền và cơ quan hữu quan trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

4. Chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho đồng bào các dân tộc thiểu số; bố trí và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

IV. KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác dân tộc trong những năm tiếp theo, UBND tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị một số nội dung sau:

1. Các Bộ, ngành Trung ương khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, ban hành các đề án thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Cân đối, bố trí đủ nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và ban hành.

3. Tiếp tục và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng đội ngũ trí thức, cán bộ là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

4. Đề nghị có chính sách đặc thù cho cán bộ làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương; ban hành quy định số lượng cán bộ công chức trong cơ quan làm công tác dân tộc ở cấp tỉnh và huyện nhằm đảm bảo, đáp ứng được nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

5. Đổi mới các chương trình, chính sách dân tộc, đề nghị khi ban hành cần có chiến lược lâu dài và phù hợp để đáp ứng điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở từng vùng dân tộc và miền núi.

Trên đây là tổng kết thực tiễn tình hình quản lý nhà nước về công tác dân tộc thời kỳ đổi mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh uỷ;
- Ban Dân tộc, HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: C, PCVP(MN), TH, CB;
- Lưu: VT, ĐNMN dqv268

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

XÍCH CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Thị Loan